

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2021
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và ông Lê Duy Nguyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐSTST-HNGĐ ngày 4 tháng 1 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị S, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn P, xã M, huyện T, tỉnh V, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Văn X, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn P, xã M, huyện T, tỉnh V, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vi Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định chị kết hôn với anh Lưu Văn X trên cơ sở được tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 22.10.2009 đến ngày 29.3.2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau ngày cưới chị về sống cùng gia đình anh X ngay. Tình cảm vợ chồng bình thường đến cuối năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do anh X không chịu chu làm ăn, thường xuyên tụ tập uống rượu, chửi mắng chị vô cớ. Chị khuyên anh không thay đổi nên nhiều lần anh chị ly thân rồi lại đoàn tụ. Mỗi lần ly thân, anh lại đến xin lỗi, cam đoan bỏ rượu, chí thú làm ăn nhưng được được thời gian ngắn anh lại uống rượu. Đến tháng 10.2020, vợ chồng ly thân nhau và cắt đứt quan hệ tình cảm cho đến nay. Chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định có 03 con là Lưu Thị M, sinh ngày 17.10.2010, Lưu Thị Anh Đ, sinh ngày 18.3.2012 và Lưu Minh S, sinh ngày 24.8.2014, các cháu đang sống cùng anh X. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả ba con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu.

Về quan hệ tài sản: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lưu Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về quá trình kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân như chị Sen trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống thỉnh thoảng anh cùng một số bạn bè tụ tập uống rượu. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ. Anh cam đoan không uống rượu để cùng chị Sen làm ăn phát triển kinh tế và nuôi dạy con chung.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định có 03 con như chị S trình bày là đúng, cả ba cháu đang sống cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi 03 con và yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, mức bao nhiêu đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Anh xác định không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị S được ly hôn anh X; giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lưu Thị M, sinh ngày 17.10.2010, Lưu Thị Anh Đ, sinh ngày 18.3.2012; anh X được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Minh S, sinh ngày 24.8.2014; chị S, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị S phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vi Thị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Văn X; chị S, anh X đều cư trú tại huyện T, tỉnh V. Do vậy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị S và anh Lưu Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh V, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến khoảng cuối năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do anh X lười lao động, thường tụ tập uống rượu và chửi chị S dẫn đến nhiều lần anh chị ly thân. Anh X nhiều lần cam kết không uống rượu, không chửi chị S nhưng anh không thực hiện được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải và tạo điều kiện để anh chị về đoàn tụ song anh X không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo cung cấp của chính quyền địa phương và bản thân anh X thừa nhận, anh vẫn uống rượu, chửi chị S. Điều đó thể hiện, anh X chưa thật sự mong muốn việc đoàn tụ vợ chồng; chị S kiên quyết xin ly hôn. Do vậy hôn nhân của chị S, anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị S, cho chị S ly hôn anh X là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Vi Thị S và anh Lưu Văn X xác nhận có ba con chung là Lưu Thị M, sinh ngày 17.10.2010, Lưu Thị Anh Đ, sinh ngày 18.3.2012 và Lưu Minh S, sinh ngày 24.8.2014, ba cháu đang sống cùng anh X. Ly hôn, chị S, anh X đều đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung, chị S yêu cầu anh X cấp dưỡng mức 1.000.000đ/tháng/cháu; anh X yêu cầu chị S cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Theo cung cấp của đại diện chính quyền địa phương và lời trình bày của các đương sự về điều kiện chăm sóc con thì chị S làm Công nhân tại khu công nghiệp B thu nhập trung bình hàng tháng 8.000.000đ/tháng. Anh X ngoài làm ruộng, thỉnh thoảng làm thợ hồ, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 3.500.000đ/tháng. Xét thấy chị S có thu nhập cao và ổn định hơn, lối sống lành mạnh hơn anh X. Cháu M và cháu Đ là con gái đang trong độ tuổi phát triển rất cần sự chăm sóc chỉ bảo trực tiếp của mẹ nên việc giao 02 cháu cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu hơn. Mặt khác nguyện vọng của cháu M và Đ xin được ở với chị S. Đối với cháu S, từ khi anh chị ly thân đến nay vẫn do anh X nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường nên cần giao cháu S cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng; chị S, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Vi Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Vi Thị S được ly hôn với anh Lưu Văn X.

2. Giao cho chị Vi Thị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Thị M, sinh ngày 17.10.2010, Lưu Thị Anh Đ, sinh ngày 18.3.2012. Anh Lưu Văn X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Minh S, sinh ngày 24.8.2014; chị S và anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về án phí: Chị Vi Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008169 ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh V. Chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Duy Nguyên

Trần Thị Bích Hằng

Nguyễn Song Lưu